

Số: 4815/QĐ-UBND

Móng Cái, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án nuôi trồng thủy sản trên biển
trên địa bàn thành phố Móng Cái**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy sản 2017;

Căn cứ Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/10/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều, khoản của Luật Đất đai số 45/2013/QH13.

Căn cứ Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế-xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng;

Căn cứ Hiệp định về tàu thuyền đi lại tại khu vực tàu thuyền đi lại tự do ở cửa sông Bắc Luân giữa Việt Nam – Trung Quốc;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1664/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 04/10/2021 về việc Phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 01/11/2023 của Thủ tướng Chính

phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3675/QĐ-UBND ngày 18/09/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/5/2014 Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị 13-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý và phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Kế hoạch số 16/KH-UBND, ngày 18/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 01/11/2021 của UBND Tỉnh về thực hiện Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Chỉ thị số 13-CT/TU ngày 10/8/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Căn cứ Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của UBND Tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 của thành phố Móng Cái.

Căn cứ Thông báo số 1413-TB/TU ngày 06/8/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy Móng Cái về việc cho ý kiến với Phương án nuôi trồng thủy sản trên biển trên địa bàn thành phố Móng Cái;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 901/TTr-KT ngày 26/8/2024 và ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND Thành phố tại cuộc họp UBND Thành phố ngày 29/8/2024 (Văn bản số 2760/UBND-VP ngày 30/8/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án nuôi trồng thủy sản trên biển trên địa bàn thành phố Móng Cái với các nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Làm cơ sở cho việc giao và cho thuê mặt biển cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu nuôi trồng thủy sản (NTTS) và thu hút đầu tư vào lĩnh vực nuôi biển.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển của thành phố Móng Cái trở thành một ngành sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, hiệu quả, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển gắn kết với sự phát triển với các ngành kinh tế khác (du lịch, dịch vụ, khách sạn nhà hàng, khai thác hải sản...); tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của thị

trường tại địa phương, trong nước và xuất khẩu.

- Phương án làm cơ sở để thực hiện công tác quản lý nhà nước về hoạt động NTTS.
- Phương án góp phần tham gia bảo vệ Quốc phòng an ninh, bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Các lồng bè nuôi cá, các khu vực nuôi nhuyễn thể, rong biển (nuôi thử nghiệm) được cấp phép, đăng ký theo quy định.

- Diện tích nuôi biển hàng năm đạt 250 ha đối với nhuyễn thể; sản lượng đạt trên 12.000 tấn nhuyễn thể, giá trị ước tính đạt trên 300 tỷ đồng. Nuôi cá biển trong lồng đạt 100.000 m³ ô lồng (5-6 cơ sở nuôi), sản lượng đạt 1.000 tấn cá, giá trị đạt 150 tỷ đồng.

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho khoảng 1.000 lao động tham gia vào ngành nuôi biển.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất: khu tập kết thu gom rác thải từ nuôi trồng hải sản, phao tiêu, cột mốc phân luồng lạch cho các vùng nuôi trồng thủy sản.

- Sắp xếp lại ngành nuôi trồng thủy sản trên biển phù hợp với điều kiện môi trường tự nhiên và thế mạnh của từng xã, phường với quy hoạch tổng thể của thành phố Móng Cái, của tỉnh Quảng Ninh và của ngành thủy sản Việt Nam.

- Xác định và phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của địa phương như nhóm cá biển: cá song, cá chim vây vàng, cá sủi đất, cá giò...; nhóm nhuyễn thể như: hào, ngao hai cùi, thung và một số loài đặc sản của địa phương như sá sùng...

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ hào.

2.2. Đến năm 2030 và tầm nhìn 2045

- Diện tích nuôi biển hàng năm đạt 500ha đối với nhuyễn thể, sản lượng đạt 200.000 tấn, giá trị ước tính đạt 5.000 tỷ đồng. Nuôi cá biển trong lồng đạt 1000.000m³ (50 cơ sở nuôi), sản lượng đạt 10.000 tấn cá, giá trị đạt 1.500 tỷ đồng/năm.

- 100% số hộ nuôi lồng bè được đăng ký theo qui định và áp dụng đầy đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

- Xây dựng, hình thành và vận hành một số các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị có hiệu quả và bền vững.

- 100% rác thải từ các hoạt động nuôi trồng thủy sản được thu gom, xử lý theo quy định.

- Phát triển được các mô hình nuôi biển gắn kết với sự phát triển của các ngành thương mại dịch vụ khác đặc biệt là khách sạn, nhà hàng và du lịch; đồng thời khuyến khích phát triển kinh tế tổ hợp tác, hợp tác xã trong lĩnh vực nuôi biển.

- Xây dựng chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ hào, cá biển.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý nuôi trồng thủy sản, vùng nuôi an toàn bằng công nghệ thông tin.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

2.1. Phân vùng, sắp xếp các khu vực biển

- Các vùng nuôi biển phải nằm trong vùng quy hoạch và được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền, do đó việc tổ chức và sắp xếp lại các vùng nuôi và sản xuất là rất cần thiết. Nuôi trồng thủy sản trên biển tại thành phố Móng Cái tồn tại một số hạn chế trong đó có việc nuôi tự phát và trái phép của các hộ dân. Việc này không những gây mất an toàn giao thông đường thủy mà còn gây thiệt hại kinh tế lớn cho chính hộ nuôi trồng không đúng quy định.

- Việc sắp xếp lại vùng nuôi, khu vực nuôi các loài, sắp xếp lại vị trí đặt lồng bè cho các hộ nuôi trên biển đảm bảo tính khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện tự nhiên, phù hợp với nhu cầu của các hộ nuôi. Việc tổ chức, sắp xếp lại các vùng nuôi, diện tích bè nuôi đảm bảo yếu tố sức tải của môi trường, phòng tránh dịch bệnh, đảm bảo an toàn giao thông trong nội vùng, nâng cao năng suất và chất lượng hải sản nuôi. Để đạt được điều này mật độ nuôi cá, nuôi nhuyễn thể cần được bố trí tỉ lệ % mặt nước nhất định.

- Phát triển dựa trên chất lượng, hiệu quả kinh tế, bền vững và đảm bảo cảnh quan môi trường. Để đạt được mục tiêu này thì việc tuân thủ quy hoạch, vùng nuôi, diện tích và mật độ (diện tích mặt nước sử dụng cho bè nuôi) là rất cần thiết. Bên cạnh đó, phát triển các cơ sở chế biến tiêu thụ nội địa, kênh phân phối gắn với sản phẩm lợi thế của địa phương.

- Xây dựng một số mô hình nuôi trồng thủy sản kết hợp với du lịch và dịch vụ (câu cá biển giải trí, gian hàng giới thiệu sản phẩm). Bên cạnh đó, khuyến khích phát triển mô hình hợp tác xã (HTX) qua đó nâng cao hình ảnh, thương hiệu sản phẩm thủy sản, giảm được các chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Các vùng NTTS trong phạm vi 3 hải lý và từ đường triều kiệt trở vào gồm 6 xã/phường bao gồm Hải Hòa, Trà Cổ, Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông và Vạn Ninh với tổng diện tích 675,3ha được chia thành 353 ô nuôi với tổng diện tích 350,08ha (51,84%), trong đó có 67 ô phù hợp cho nuôi cá, nhuyễn thể, 286 ô phù hợp cho nuôi nhuyễn thể, mục đích để giao cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Tổng diện tích các khu quản lý vận hành và diện tích luồng lạch lưu không lần lượt là 8,7ha (1,29%) và 316,5ha (46,87%).

- Khu NTTS trong phạm vi 3-6 hải lý là khu vực thu hút đầu tư, khu vực có tổng diện tích là 3.624,7ha thuộc 2 xã Vĩnh Trung (2.300ha) và Vĩnh Thực (1.324,7ha), mục đích để kêu gọi thu hút đầu tư. Xã Vĩnh Trung với tổng diện tích 2.300 ha được chia thành 10 vùng nuôi với tổng diện tích là 2.056 ha, diện tích luồng lạch giao thông chính là 244 ha. Xã Vĩnh Thực với tổng diện tích 1.324,7 ha được chia thành 5 vùng nuôi với tổng diện tích là 1.156,8 ha, diện tích luồng lạch giao thông chính là 167,9 ha.

- Khu vực đề xuất Tỉnh cho phát triển mở rộng phục vụ NTTS tại xã Hải Đông và xã Vĩnh Trung với tổng diện tích 1000 ha. Trong đó xã Hải Đông có diện tích 368 ha, xã Vĩnh Trung có diện tích 632 ha.

2.2. Một số tiêu chuẩn cơ bản các đơn vị được giao phải đáp ứng

- Thành phố sẽ giao mặt nước cho các hộ NTTS, HTX và doanh nghiệp, thành

phổ khuyến khích các hộ nuôi thủy sản thành lập HTX hoặc doanh nghiệp.

- Đầu tư hệ thống lồng bè theo đúng tiêu chuẩn, qui chuẩn được ban hành (theo QCDP số 08:2020/QN), kinh doanh đúng ngành nghề.

- Thực hiện nuôi trồng thủy sản đúng đối tượng, quy trình và quy hoạch theo phương án nuôi biển của Thành phố.

- Cam kết thực hiện về đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn giao thông trên biển, không chuyển nhượng, sang tên.

2.3. Đối tượng, mật độ nuôi

2.3.1. Đối tượng nuôi chính:

- Nhuyễn thể: ngao giá, ngao ô vuông, ngao hoa, hào, tu hài, sá sùng...

- Cá biển: Nuôi cá chim vây vàng, cá vược, cá hồng mỹ, cá song...

2.3.2. Mật độ nuôi:

+ Đối với nuôi nhuyễn thể khuyến cáo thả 25-50% diện tích mặt nước giao.

+ Đối với nuôi cá biển: Diện tích mặt nước nuôi khuyến cáo từ 2 - 10% (khu VN1 và QN tối đa tương ứng 12.500 m² và 6.000 m² mặt nước)

2.4. Giải pháp về phát triển sản xuất giống, thức ăn và vật liệu làm lồng bè

2.4.1. Giải pháp về giống thủy sản

Căn cứ nhu cầu con giống của các hộ nuôi, thành phố nên ưu tiên sử dụng con giống được sản xuất tại chỗ và các tỉnh, thành, địa phương lân cận do có điều kiện khí hậu tương đồng và khoảng cách gần sẽ có con giống khỏe và giá thành phù hợp.

Trong giai đoạn 2024 - 2025 hàng năm Móng Cái sẽ cần khoảng 686 triệu con giống nhuyễn thể và 1 triệu giống cá biển. Đến năm 2030 cần khoảng 857 triệu giống nhuyễn thể 2,9 triệu giống cá biển và đến năm 2045, cần khoảng 1.143 triệu giống nhuyễn thể và 9,7 triệu con giống cá biển. Trong những năm tới cần có những chương trình chọn giống và truy xuất nhuyễn thể và cá biển để nâng cao chất lượng giống và sản phẩm.

2.4.2 Giải pháp về thức ăn

Với phương châm xây dựng một ngành nuôi biển hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường thì thức ăn được sử dụng cho nuôi cá biển là thức ăn công nghiệp. Hiện nay nhiều công ty đã đầu tư sản xuất thức ăn cho cá biển như Uni president, Cargill, De Heus, CP... với chất lượng thức ăn tốt. Các đại lý có thể dịch vụ cung cấp thức đến tận lồng bè nuôi cho người dân. Cần xây dựng các chuỗi liên kết để có sự gắn kết giữa người nuôi cá và các công ty sản xuất thức ăn. Xây dựng từ 3 - 5 đại lý thức ăn cấp 1 tại thành phố cung cấp thức ăn công nghiệp cho cá biển.

2.4.3. Giải pháp cung ứng các vật liệu làm lồng bè nuôi biển

Tuân thủ các quy định về kỹ thuật của ngành như: Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND Tỉnh về ban hành quy định đảm bảo vệ sinh môi trường tàu cá và lồng bè nuôi trồng thủy sản mặn, lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; các vật liệu làm lồng bè đáp ứng QCDP số 08:2020/QN: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu sử dụng làm phao nổi trong nuôi trồng thủy sản lợ, mặn tại tỉnh Quảng Ninh và các quy chuẩn, quy trình đã được ban hành. Sử dụng vật liệu

hợp quy để thay thế cho các bè tre, gỗ và phao xốp.

Xây dựng kế hoạch chuyển đổi các hệ thống lồng bè tre nứa sang hệ thống lồng bè hiện đại thân thiện với môi trường, sẽ hoàn thành 50% vào năm 2025 và 100% vào năm 2030. Quá trình các doanh nghiệp, HTX thực hiện sẽ được các dự án hỗ trợ (dự án hiện đại hoá hệ thống lồng bè nuôi).

2.4.4. Giải pháp phát triển khoa học công nghệ đối với nuôi biển

- Tổ chức nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thức ăn, con giống chất lượng cao, giải pháp phòng và điều trị dịch bệnh, công nghệ nuôi, công nghệ thu hoạch và bảo quản sản phẩm trong nuôi biển.

- Phát triển khoa học công nghệ trong ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ nuôi biển tập trung vào công nghệ sản xuất lồng bè, lưới nuôi hiện đại, dịch vụ hậu cần, ứng dụng công nghệ AI và thiết bị giám sát môi trường tự động, công nghệ có liên quan để thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất giống, nuôi và chế biến các sản phẩm từ hàu

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng cho các vùng nuôi, đối tượng nuôi theo hướng an toàn, bền vững.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nuôi trồng thủy sản.

- Xây dựng Lập bản đồ, cơ sở dữ liệu giao khu vực biển, quản lý nuôi trồng thủy sản (cấp mã vùng nuôi, quản lý trên App điện thoại di động...).

2.4.5. Giải pháp phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi biển

- Rà soát, đánh giá về thực trạng và nhu cầu hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nuôi biển làm cơ sở đầu tư sản xuất.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại phục vụ phát triển nuôi biển gần bờ và xa bờ bao gồm các hạng mục hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất giống phục vụ nuôi biển, vùng nuôi trồng thủy sản trên biển, hệ thống quan trắc môi trường nuôi biển tự động, đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong những điều kiện thời tiết cực đoan, bão lũ...

- Phát triển cơ sở hạ tầng từ vận chuyển giống, thức ăn đến thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, bến bãi neo đậu tàu thuyền và chợ đầu mối.

- Ngoài việc tiếp tục khai thác các cảng, nơi tránh trú bão cho tàu, các cảng cá và khu neo đậu tàu thuyền trên địa bàn thành phố cũng cần được triển khai theo Quyết định số 1976/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt Quy hoạch hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; đầu tư phát triển xây dựng cảng cá Bến Mũi Ngọc theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

2.4.6. Giải pháp phát triển công nghệ thu hoạch, chế biến và thương mại - thị trường

- Áp dụng công nghệ tiên tiến vào các khâu thu hoạch, bảo quản sản phẩm (tập trung cho chế biến hàu) và vận chuyển để giảm tổn thất và tăng giá trị sản phẩm.

- Phát triển hệ thống chế biến hiện đại gắn với các vùng nuôi biển tập trung để

tạo ra sản phẩm giá trị gia tăng, đặc biệt các sản phẩm có giá trị cao như: Dược phẩm, thực phẩm chức năng,... có nguồn gốc từ nuôi biển.

- Xây dựng thương hiệu hàng Móng Cái, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nuôi biển tại địa phương, trong tỉnh, trong nước và ngoài nước.

2.4.7. Giải pháp xây dựng cơ chế chính sách

- Về đầu tư: Hạ tầng, dịch vụ hậu cần liên quan, chính sách phát triển, giao mặt nước biển.

- Về hỗ trợ nuôi biển: Khuyến ngư, khoa học kỹ thuật, tín dụng.

2.4.8. Giải pháp tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất

- Xây dựng các liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ hàng vào năm 2025 và các chuỗi liên kết sản xuất đối với cá năm 2030.

- Tổ chức lại sản xuất, hoạt động nuôi biển theo quy hoạch.

- Tổ chức lại các vùng nuôi.

- Tổ chức sản xuất và quản lý theo đối tượng nuôi.

- Tập trung phát triển theo chuỗi sản phẩm, ngành hàng.

- Quản lý, giám sát các cơ sở nuôi.

- Tuyên truyền vận động người dân tham gia vào HTX nuôi trồng thủy sản và khi làm thủ tục cấp mặt nước yêu cầu các hộ dân làm cam kết tham gia vào HTX nuôi trồng thủy sản.

2.4.9. Giải pháp phát triển thị trường và xúc tiến thương mại

- Liên kết và kết nối với các huyện, thành phố và địa phương khác trong tỉnh (như Đầm Hà, Vân Đồn, Quảng Yên, Cẩm Phả) và các tỉnh thành khác trong cả nước trong việc thúc đẩy xúc tiến thương mại, quảng bá hình ảnh và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ về du lịch của thành phố Móng Cái. Điều này sẽ kích thích tiêu thụ các sản phẩm thủy hải sản tại chỗ.

- Khuyến khích và thúc đẩy các hình thức thương mại điện tử, bán hàng online, xây dựng trang web giới thiệu và bán sản phẩm thủy hải sản của Móng Cái. Xây dựng gian hàng giới thiệu sản phẩm, tham gia các hội chợ trong nước và khu vực để giới thiệu sản phẩm của địa phương.

- Thúc đẩy sự phát triển ngành thương mại dịch vụ, dịch vụ du lịch, khách sạn nhà hàng, tạo sự liên kết ngang giữa phát triển nuôi trồng thủy sản và các ngành kinh tế khác trong đó có du lịch nhà hàng khách sạn và du lịch biển đảo, du lịch trải nghiệm. Phát huy lợi thế của địa phương như mức sống dân cư cao (tập trung nhiều nhà máy, công ty, khu công nghiệp, dịch vụ), khu vực cửa khẩu, lượng khách Trung Quốc và khách nội địa lớn.

- Khuyến khích, quảng bá hình ảnh, tổ chức lễ hội ẩm thực giới thiệu về một số sản phẩm thủy hải sản đặc thù của địa phương như hàu, gẹ Trà Cổ, Cù kỳ Móng Cái, sam biển.... Bên cạnh đó tăng cường và phát triển công nghệ chế biến bảo quản, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm đối với một số sản phẩm đặc thù của địa phương nhằm nâng cao giá trị và tiến tới xuất khẩu.

- Xây dựng nhãn hiệu, xây dựng chỉ dẫn địa lý đối với một số loài là đặc sản

và đặc trưng của thủy hải sản của địa phương. Qua đó, nâng cao hình ảnh, giá trị và uy tín của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng cường công tác đánh giá, dự báo tình hình thị trường thủy sản trong nước, đối với các đối tượng nuôi chủ lực của địa phương.

2.4.10 Giải pháp bảo vệ môi trường

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường, nguồn lợi thủy sản. Xây dựng kế hoạch phối hợp với đoàn thể, các tổ chức xã hội thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân ở các địa phương nhận thức và tự giác chấp hành tốt các quy định pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường trong các hoạt động thủy sản. Quản lý nghiêm ngặt về các điều kiện đảm bảo môi trường đối với hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản. Đặc biệt là việc xử lý chất thải, nước thải, khí thải trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Luật môi trường 2020 (có hiệu lực từ 01/01/2022) và Luật thủy sản 2017 (có hiệu lực từ 01/01/2019).

- Chuyển đổi công nghệ nuôi truyền thống với vật liệu bè tre, gỗ, phao xốp sang công nghệ nuôi biển hiện đại với vật liệu làm lồng bè đạt chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu sử dụng làm phao nổi trong nuôi trồng thủy sản lơ, mặn theo Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND về Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về vật liệu sử dụng làm phao nổi trong nuôi trồng thủy sản lơ, mặn tại Quảng Ninh (QCĐP số 08:2020/QN).

- Để tránh chất thải rắn phát tán ra môi trường, trong quá trình xử lý lồng, bè nuôi trái phép hay các hoạt động thay thế phao xốp, vật liệu làm giàn bè của người dân cần có phương án giám sát thu gom chất thải rắn ngay tại nguồn.

- Có cơ chế chính sách nhằm khuyến khích thu hút các dự án đầu tư tái chế, tái sử dụng vỏ nhuyễn thể làm nguyên liệu phục cho nông nghiệp như: bột vỏ nhuyễn thể để xử lý môi trường, bổ sung vi khoáng cho NTTS, giá thể trồng cây, thức ăn cho gia súc gia cầm...

- Đầu tư, nâng cấp các trạm quan trắc, cảnh báo môi trường tự động tại các vùng nuôi trên biển Thành phố Móng Cái. Hoặc xây dựng chương trình quan trắc và phối hợp với các đơn vị chuyên môn như Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh, trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản... thực hiện quan trắc đánh giá môi trường vùng nuôi định kỳ. Các số liệu quan trắc được cung cấp thông tin công khai để cán bộ quản lý, người nuôi biết, giám sát để có các phương án xử lý sớm, phù hợp.

- Tuân thủ khuyến cáo về tỉ lệ % diện tích, mật độ và công nghệ nuôi. Đối với nuôi cá biển, ưu tiên đối tượng nuôi có khả năng ăn thức ăn công nghiệp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời giảm chất thải phát sinh trong nuôi thủy sản trên biển. Kết hợp nuôi cá biển, nhuyễn thể với nuôi rong nhằm tận dụng khả năng hấp thụ các chất dinh dưỡng của rong góp phần làm sạch chất lượng môi trường nước biển.

- Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản cũng như bảo vệ môi

trường vùng nuôi cho các cán bộ quản lý, người nuôi trồng thủy sản.

- Kêu gọi các doanh nghiệp có kinh nghiệm có tiềm lực đầu tư nuôi công nghiệp bằng lồng bè hiện đại đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu áp dụng khoa học kỹ thuật trong nuôi thương phẩm nhằm nâng cao sản lượng cũng như bảo vệ môi trường biển.

- Nghiên cứu ký hợp đồng với các doanh nghiệp để thu gom chất thải rắn trên biển và khu vực tập kết xử lý sơ bộ chất thải rắn trước khi vận chuyển đi xử lý tái chế, tái sử dụng, chôn lấp...

- Để phòng chống dịch bệnh trong quá trình nuôi cần tuân thủ các khuyến cáo về % diện tích mặt nước nuôi, kỹ thuật nuôi và tuân thủ theo Mục 3 - Phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản - Luật Thú y 2015; Mục 2.3. Cơ sở hạ tầng và các hạng mục công trình và mục 2.4. Quản lý hoạt động nuôi trồng thủy sản - Quy chuẩn QCVN 01-80:2011/BNNPTNT về cơ sở nuôi trồng thủy sản thương phẩm - điều kiện vệ sinh thú y; Chương 2. Quy định đảm bảo vệ sinh môi trường lồng bè nuôi trồng thủy sản mặn lợ - Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định đảm bảo vệ sinh môi trường tàu cá và lồng bè nuôi trồng thủy sản mặn, lợ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

- Khi có thiên tai cần thực hiện phòng chống theo quyết định Số: 1248/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

III. NGUỒN LỰC VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

3.1. Nguồn lực

3.1.1. Nguồn nhân lực

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về cán bộ quản lý, chuyên gia tại Cơ sở II Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và thủy sản; Trường Đại học Hạ Long, mở mới các mã ngành nghề kết hợp thủy sản và dịch vụ du lịch.

- Liên kết, kết nối các cơ sở đào tạo, Viện nghiên cứu, Trường đại học, Cao đẳng, Trung tâm giáo dục thường xuyên và các doanh nghiệp trong đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu của thị trường.

- Hàng năm tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật về nuôi biển cho các hộ gia đình/HTX tham gia nuôi biển.

3.1.2. Kinh phí thực hiện Phương án

- Tổng nhu cầu kinh phí để triển khai thực hiện phương án nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Móng Cái đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 là khoảng 68.000 triệu đồng. Trong đó:

+ Ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện một số hạng mục đầu tư và nhiệm vụ: Lắp đặt phao cảnh báo khu vực nuôi lồng bè và hàng hải; Công tác quản lý nhà nước các hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển (Tuần tra, kiểm soát...); Hiện đại hóa hệ thống lồng bè nuôi cá trên biển (chuyển đổi vật liệu nổi đạt quy chuẩn địa phương); Hiện đại hóa hệ thống nuôi nhuyển thể trên

biển (chuyển đổi vật liệu nổi đạt quy chuẩn địa phương); Hỗ trợ lãi suất vốn vay lắp đặt giàn, lồng bè, máy móc, thiết bị; Dự án xây dựng hệ thống quan trắc môi trường tự động (02 trạm); Xây dựng Lập bản đồ, cơ sở dữ liệu giao khu vực biển, quản lý nuôi trồng thủy sản (cấp mã vùng nuôi, quản lý trên App điện thoại di động...); Phát triển sản xuất trên biển theo chuỗi giá trị; Xây dựng mô hình nuôi thủy sản kết hợp với du lịch; Phát triển nguồn nhân lực cho nuôi biển (Đào tạo, tập huấn).

+ Các chủ cơ sở nuôi biển (tổ chức, cá nhân): Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất nuôi biển đảm bảo các quy định về nuôi trồng thủy sản; Thu gom, xử lý rác thải từ nuôi trồng thủy sản (lồng, bè, phao xốp, chất thải khác...) của cơ sở thải ra; Xây dựng các cơ sở chế biến từ sản phẩm nuôi biển; Tổ chức sản xuất, xây dựng nhãn hiệu, tiêu thụ sản phẩm.

3. 2. Triển khai thực hiện

3.2.1. Thẩm quyền giao mặt biển, đất

(i1) Cơ quan phê duyệt Phương án: UBND thành phố Móng Cái.

(i2) Sau khi Phương án được phê duyệt, sẽ được niêm yết trên cổng thông tin điện tử thành phố Móng Cái, và tại UBND các xã, phường; giao cho các cơ quan, đơn vị: Kinh tế, Tài nguyên- Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, UBND các xã phường... phối hợp triển khai thực hiện phương án. Việc giao mặt biển, đất sẽ được thực hiện như sau:

- Các khu vực từ đường triều kiệt (đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm) đến phạm vi 03 hải lý và từ 03 hải lý đến 6 hải lý thực hiện giao mặt nước biển theo nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính Phủ. Cụ thể như sau:

+ Đối với các khu vực trong phạm vi 03 hải lý (tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo) thuộc các xã/phường: Quảng Nghĩa, Hải Tiến, Hải Đông, Vạn Ninh, Hải Hoà và Trà Cổ: UBND thành phố Móng Cái có quyết định giao khu vực biển (hạn mức ≤ 1 ha) cho cá nhân để nuôi trồng thủy sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 44 Luật Thủy sản.

+ Đối với các khu vực trong phạm vi từ 3-6 hải lý (tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình trong nhiều năm của đất liền và các đảo) thuộc 2 xã Vĩnh Trung và Vĩnh Thực: UBND tỉnh Quảng Ninh có quyết định giao khu vực biển (hạn mức ≤ 1 ha) theo quy định.

(i3) Đối với hạn mức giao > 1 ha cho cá nhân, tổ chức (từ đường triều kiệt đến phạm vi 6 hải lý) UBND tỉnh Quảng Ninh có quyết định giao mặt nước khi các cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ giao khu vực biển (trong đó có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường).

(i4) Các khu vực nằm trong phạm vi đường triều kiệt trở vào UBND Thành phố thực hiện giao mặt biển theo luật đất đai số 45/2013/QH13 (khi luật đất đai số 31/2024/QH15 có hiệu lực sẽ áp dụng giao mặt biển theo luật đất đai 31/2024/QH15).

(i5) Khi cấp phép, giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp với các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn để thống nhất luồng cơ động tàu thuyền ra vào các khu quân sự, đảm bảo không ảnh hưởng đến

nhiệm vụ, hoạt động quân sự, quốc phòng trong khu vực.

(i6) Quá trình triển khai thực hiện các cơ quan, đơn vị liên quan sẽ phối hợp với bộ CHQS tỉnh theo Nghị định số 164/2018/NĐ-CP ngày 21/12/2018 của Chính phủ về kết hợp quốc phòng với kinh tế-xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng và các văn bản hiện hành về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với nhiệm vụ quốc phòng.

3.2.2. Triển khai thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn các xã, phường trên địa bàn tổ chức phổ biến kế hoạch, định hướng, cũng như mục tiêu và thời gian triển khai phương án.

- Xây dựng kế hoạch, phương án để tổ chức sắp xếp lại khu vực nuôi biển trong quy hoạch khi phương án được phê duyệt.

- Phát triển nghề nuôi biển; ứng dụng khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất nhằm giảm chi phí, hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Phối hợp các đơn vị trong dự báo cung - cầu về thủy sản nhằm xây dựng kế hoạch sản xuất, nuôi trồng theo mùa vụ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với phòng Kinh tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND các xã/ phường tổ chức triển khai giao đất, mặt nước để nuôi trồng thủy sản theo Phương án; xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện nội dung Phương án đã được phê duyệt, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra UBND các xã/ phường trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Phòng Kinh tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã/ phường sắp xếp, bố trí vùng nuôi theo Phương án được phê duyệt; tham mưu, định hướng các vùng nuôi nhằm đảm bảo hài hòa về an sinh xã hội và phát triển kinh tế.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị tổ chức tuyên truyền, triển khai thực hiện theo nội dung Phương án được phê duyệt; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra UBND các xã/ phường trong quá trình triển khai thực hiện theo lĩnh vực chuyên môn của đơn vị.

4. Chủ tịch UBND các xã/ phường có trách nhiệm cụ thể hóa nội dung Phương án, chỉ đạo xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức thực hiện Phương án trên địa bàn quản lý đảm bảo hiệu quả. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các Tổ chức chính trị - xã hội Thành phố: Tăng cường tuyên truyền, phổ biến đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các xã/ phường và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở, các thành viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển, sắp xếp và cơ cấu lại vùng nuôi nhằm phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên biển trở thành một ngành sản xuất hàng hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái; tạo ra sản phẩm có giá trị cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường tại địa phương, trong nước và xuất khẩu; phát triển hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển gắn với phát triển các ngành kinh tế khác (du lịch, dịch vụ, khách sạn, nhà hàng, khai thác hải sản.....) giải quyết vấn đề việc làm, nâng cao thu nhập và tạo sinh kế bền vững cho người dân ven biển góp phần bảo đảm an sinh, bảo vệ an ninh, quốc

phòng trên biển.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND & UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Quản lý đô thị, Tài chính - Kế hoạch, Văn hóa và Thông tin; Giám đốc Trung tâm Truyền thông và Văn hóa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã/ phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (B/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (B/c);
- TT. Thành ủy, HĐND Thành phố (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND Thành phố;
- Các phòng, ban liên quan;
- MTTQ và các đoàn thể (P/h);
- UBND các xã, phường (T/h);
- VP1, P1, V2;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Văn Tuấn